

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo Thành phố
áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2014/QH13 ngày 24 tháng 6 năm 2014 của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1614/QĐ-TTg ngày 15 tháng 09 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án tổng thể “Chuyển đổi phương pháp tiếp cận đo lường nghèo từ đơn chiều sang đa chiều áp dụng cao giai đoạn 2016 - 2020”;

Căn cứ Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Kết luận số 315-KL/TU ngày 08 tháng 7 năm 2015 của Hội nghị lần thứ 24 Thành ủy khóa IX về tình hình kinh tế - văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng Thành phố 6 tháng đầu năm; nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm 6 tháng cuối năm 2015 và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố lần thứ X nhiệm kỳ 2015 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 15/2015/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân Thành phố về Chương trình Giảm nghèo bền vững của Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020;

Xét đề nghị của Thường trực Ban Chỉ đạo Chương trình Giảm nghèo, tăng hộ khá Thành phố tại Tờ trình số 238/TTr-BCĐGNTHK ngày 29 tháng 12 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Các tiêu chí về thu nhập và mức độ thiếu hụt của các chiều nghèo (tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản) được sử dụng đo lường xác định chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo Thành phố giai đoạn 2016 - 2020

1. Các tiêu chí về thu nhập:

a) Chuẩn nghèo: từ 21 triệu đồng/người/năm trở xuống.

b) Chuẩn cận nghèo: từ trên 21 triệu đồng/người/năm đến 28 triệu đồng/người/năm.

2. Tiêu chí về mức độ thiếu hụt của các chiều nghèo (các dịch vụ xã hội cơ bản):

a) 05 chiều nghèo (các dịch vụ xã hội cơ bản): giáo dục và đào tạo; y tế; việc làm và bảo hiểm xã hội; điều kiện sống; tiếp cận thông tin.

b) Các chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt của các chiều nghèo (11 chỉ số với tổng điểm là 100 điểm), gồm: Trình độ giáo dục của người lớn (10 điểm); Tình trạng đi học của trẻ em (10 điểm); Trình độ nghề (10 điểm); Tiếp cận các dịch vụ y tế (10 điểm); Bảo hiểm y tế (10 điểm); Việc làm (10 điểm); Bảo hiểm xã hội (10 điểm); Nhà ở (10 điểm); Nguồn nước sinh hoạt (10 điểm); Sử dụng viễn thông (05 điểm); Tài sản phục vụ tiếp cận thông tin (05 điểm).

c) Ngưỡng thiếu hụt các chiều nghèo (các dịch vụ xã hội cơ bản) của hộ dân là từ 40 điểm trở lên.

Điều 2. Chuẩn hộ nghèo và hộ cận nghèo Thành phố áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020

1. Hộ nghèo Thành phố: là những hộ dân Thành phố (có hộ khẩu thường trú và tạm trú KT3) có 01 hoặc cả 02 tiêu chí sau:

- Có thu nhập bình quân từ 21 triệu đồng/người/năm trở xuống.

- Có tổng số điểm thiếu hụt của 05 chiều nghèo (các dịch vụ xã hội cơ bản) từ 40 điểm trở lên.

Hộ nghèo Thành phố được chia thành 03 nhóm hộ để tổ chức thực hiện các chính sách tác động hỗ trợ giảm nghèo thứ tự ưu tiên như sau:

- Nhóm 1: Là hộ dân có thu nhập bình quân từ 21 triệu đồng/người/năm trở xuống và có điểm thiếu hụt của 05 chiều nghèo (các dịch vụ xã hội cơ bản) từ 40 điểm trở lên.

- Nhóm 2: Là hộ dân có thu nhập bình quân từ 21 triệu đồng/người/năm trở xuống và có điểm thiếu hụt của 05 chiều nghèo (các dịch vụ xã hội cơ bản) dưới 40 điểm (từ 0 - 35 điểm).

- Nhóm 3: Là hộ dân có thu nhập bình quân trên 21 triệu đồng/người/năm (không nghèo thu nhập) và có điểm thiếu hụt của 05 chiều nghèo (các dịch vụ xã hội cơ bản) từ 40 điểm trở lên.

2. Hộ cận nghèo Thành phố: là những hộ dân Thành phố (có hộ khẩu thường trú và tạm trú KT3) có 02 tiêu chí sau:

- Có thu nhập bình quân từ trên 21 triệu đồng/người/năm đến 28 triệu đồng/người/năm.

- Có tổng số điểm thiếu hụt của 05 chiều nghèo dưới 40 điểm (từ 0 đến 35 điểm).

Điều 3. Mức chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo quy định tại Điều 2 Quyết định này được áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, là căn cứ để đo lường và giám sát mức độ thiếu hụt về thu nhập và các chiều nghèo (tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản) của người dân; là cơ sở xác định đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo Thành phố để thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo và an sinh xã hội, hoạch định các chính sách kinh tế - xã hội khác của Thành phố trong giai đoạn 2016 - 2020.

Điều 4. Giao Ban Chỉ đạo Chương trình Giảm nghèo bền vững Thành phố phối hợp với Cục Thống kê Thành phố xây dựng kế hoạch khảo sát, lập danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo Thành phố giai đoạn 2016 - 2020 trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt để triển khai thực hiện trên địa bàn Thành phố, thời gian thực hiện khảo sát trong quý 1 năm 2016; tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố về danh sách và tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo Thành phố đầu kỳ (năm 2016) chậm nhất là cuối tháng 4 năm 2016.

Điều 5. Để đảm bảo thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo cho hộ nghèo, hộ cận nghèo Thành phố được liên tục; trước mắt, cho phép Ban Chỉ đạo Chương trình Giảm nghèo bền vững Thành phố và Ủy ban nhân dân các quận, huyện được tiếp tục thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo theo Quyết định số 04/2014/QĐ-UBND ngày 14 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố cho số hộ nghèo, hộ cận nghèo (có mã số hộ của giai đoạn 2014 - 2015) đang có thu nhập trong mức chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo Thành phố giai đoạn 2016 - 2020 (hộ nghèo có thu nhập từ 21 triệu đồng/người/năm trở xuống và hộ cận nghèo có thu nhập từ trên 21 triệu đồng/người/năm đến 28 triệu đồng/người/năm) đến khi có Quyết định ban hành Chương trình Giảm nghèo bền vững của Thành phố giai đoạn 2016 - 2020.

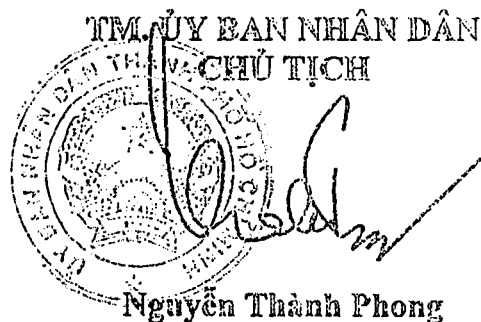
Điều 6. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 7. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Trưởng Ban Chỉ đạo Chương trình Giảm nghèo bền vững Thành phố, Thủ trưởng các Sở - ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Thủ tướng Chính phủ;
- VPCP; Bộ LĐ-TBXH;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TTTU; TT HĐND. TP;
- TTUB: CT, các PCT;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Thành phố;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam TP và các Đoàn thể TP;
- Văn phòng Thành ủy và các Ban Thành ủy;
- Các Ban Hội đồng nhân dân Thành phố;
- VPUB: Các PVP; Các Phòng NCTH, TTCB;
- Lưu:VT, (VX-TC) 155

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Phong